

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày 15/10/2018

“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình giữa chị M
với anh H”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Giáp Hồng Thanh

Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Oanh - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2016/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2016 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2018, các Quyết định hoãn phiên toà số: 62/2018/QĐST-DS ngày 21/8/2018, số 66/2018/QĐST-DS ngày 10/9/2018, số 68/2018/QĐST-DS ngày 28/9/2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Dương Thị M - sinh năm 1983

HKTT: thôn Đồng K, xã Song V, huyện T, tỉnh B.

Tạm trú: khu 2, ấp H, xã H, huyện Th, tỉnh Đ. (đề nghị xét xử vắng mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến H - sinh năm 1979

Nơi cư trú: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh B. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Dương Thị M trình bày:

Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Tiến H vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng từ năm 2005 đến nay anh chị đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do anh H nghiện hút ma túy, mặc dù chị và gia đình khuyên can nhiều lần nhưng anh H không cai nghiện được, đời sống vợ chồng luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Đầu năm 2009, anh chị đã ly thân nhau được khoảng 08 tháng nhưng do các con còn nhỏ nên vợ chồng lại về chung sống với nhau. Trong khoảng thời gian về chung sống thì anh H vẫn không từ bỏ được ma túy và đã nhiều lần xảy ra xô xát, to tiếng với nhau. Từ tháng 10/2015, anh chị sống ly thân cho đến nay không thăm hỏi, quan tâm, chăm sóc gì nhau. Nay chị xác định vợ chồng đã mâu

thuần trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 04/10/2003 và Nguyễn Tiến G - sinh ngày 12/3/2006. Hiện cả hai con chung đang ở cùng với anh H. Khi ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng; nghĩa vụ chung về tài sản; ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: chị có đơn đề nghị chia tài sản chung nhưng chưa làm các thủ tục thụ lý yêu cầu. Ngày 27/6/2018, chị M đã có đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản.

Tại phiên tòa, chị M vắng mặt.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Tiến H trình bày:

Anh tự nguyện kết hôn với chị Dương Thị M vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng trong những năm gần đây vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn to tiếng với nhau do vợ chồng không cùng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Đến tháng 10/2015, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay không quay về nhà anh nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không thăm hỏi, chăm sóc gì nhau. Anh có đến nói chuyện với bố mẹ vợ để động viên chị M về nhưng chị nhất quyết không quay về chung sống cùng anh. Nay anh xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Nhưng vì các con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ nên anh muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị M kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn để giải thoát cho chị M.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 04/10/2003 và Nguyễn Tiến G - sinh ngày 12/3/2006. Hiện cả hai con chung đang ở cùng với anh. Khi ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của các con muốn ở với anh hay chị thì anh cũng đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng; nghĩa vụ chung về tài sản; ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh có đề nghị Tòa án chia tài sản chung, sau đó anh đã rút yêu cầu, tại Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã đình chỉ giải quyết yêu cầu này và trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh H.

Tại phiên tòa: anh H vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M, giao các con chung cho chị M nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết: Chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn anh H có nơi cư trú tại thôn Đ, xã S, huyện T. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên toà: chị M có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, anh H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H kết hôn với nhau năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2005 - 2006 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, theo anh H là do vợ chồng bất đồng điểm sống dẫn đến to tiếng, đời sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Theo chị M thì anh chị mâu thuẫn là do anh H mắc phải tệ nạn xã hội. mặc dù chị và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi được. Sau đó anh chị cùng các con vào miền Nam làm ăn sinh sống nhưng mâu thuẫn vẫn không chấm dứt. Khoảng năm 2009, anh chị đã ly thân một thời gian xong do gia đình khuyên nhủ, anh chị lại đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Trong thời gian đoàn tụ, anh chị vẫn to tiếng xô xát. Đến tháng 10/2015, anh H trở về quê sinh sống còn chị M vẫn ở lại miền Nam, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. HĐXX thấy, mặc dù anh chị trình bày nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau nhưng đều dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra to tiếng xô xát, anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay mà không thể đoàn tụ. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị ly hôn anh H, anh H cũng đã từng nhất trí ly hôn nhưng do chưa giải quyết xong về tài sản nên anh lại thay đổi ý kiến. Chứng tỏ, chị M và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung thực tế không tồn tại từ cách nay 03 năm, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị M ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 04/10/2003 và Nguyễn Tiến G - sinh ngày 12/3/2006. Hiện tại, qua xác minh được biết cả hai cháu đang ở cùng với chị M tại miền Nam. Khi ly hôn thì chị M yêu cầu nuôi cả hai cháu, còn anh H đề nghị giao con theo nguyện vọng của các cháu. HĐXX thấy, hiện nay chị M đang làm công nhân thu nhập ổn định, còn anh H công việc không ổn định. Về nguyện vọng thì cháu Y đề nghị được ở với mẹ, cháu G thì đề nghị ở với bố hoặc mẹ đều đồng ý. Do vậy, căn cứ vào nguyện vọng của hai cháu, điều kiện thực tế của anh chị và có sự tham khảo ý kiến địa phương, HĐXX cần giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp

đường nuôi con, chị M không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: anh chị đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án năm 2009.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị M được ly hôn anh Nguyễn Tiến H.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị M tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thị Y - sinh ngày 04/10/2003 và Nguyễn Tiến G - sinh ngày 12/3/2006. Về cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: không giải quyết.

4. Về án phí: chị Dương Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2014/000733 ngày 28/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B ;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

